

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2019

Số : 837/NQHĐCĐ-SVI

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG;
- Căn cứ Biên bản Hội Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 26/04/2019;

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG
QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của Công ty. Tóm tắt một số chỉ tiêu chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2018	Kế hoạch Năm 2019
Báo cáo riêng			
1	Tổng doanh thu	2.286.753	1.949.200
2	Lợi nhuận trước thuế	219.965	187.500
3	Thuế thu nhập	43.809	40.000
4	Lợi nhuận sau thuế	176.156	150.000
Báo cáo hợp nhất			
1	Tổng doanh thu	3.244.832	3.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	321.865	250.000
3	Lợi nhuận sau thuế	248.571	200.000

Điều 2: Thống nhất thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018.

Điều 3: Thống nhất thông qua báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2018 của Công ty.

Điều 4: Thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2019, gồm 4 công ty kiểm toán

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY)
- Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam (PwC)
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Điều 5: Thống nhất thông qua mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019:

Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019 là 336.000.000 đồng. Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng (01 người)
- Ủy viên HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng (05 người)
- Ủy viên Ban kiểm soát (kiêm nhiệm): 3.000.000 đồng/tháng (02 người)
- Thư ký HĐQT: 2.000.000 đồng/tháng (01 người)

Điều 6: Thống nhất thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2018:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tiêu chí	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế theo BCTC năm 2018	(1)	176.156.117.880
2	Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	(2) = (1) x 15%	26.423.417.682
3	Trích lập quỹ khen thưởng BĐH vượt kế hoạch 5%	(3) = (6)	2.307.805.894
	- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế	(4)	130.000.000.000
	- Lợi nhuận vượt kế hoạch	(5) = (1) - (4)	46.156.117.880
	- Trích 5% vượt kế hoạch	(6) = (5) x 5%	2.307.805.894
4	Cổ tức chia năm 2018 là 18%	(7)	124.286.751.000
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2018	(8) = (1) - (2) - (3) - (7)	23.138.143.304
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	(9)	134.897.197.208
7	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(10) = (9) x 40%	53.958.878.883
8	LNST còn lại sau khi trích lập quỹ và chi cổ tức năm 2018	(10) = (8) + (9)	104.076.461.629

Điều 7: Thống nhất thông qua việc giao cho HĐQT chia cổ tức còn lại của năm 2018 là 10% vào tháng 05/2019 (đã tạm ứng 8%).

Điều 8: Thống nhất thông qua kế hoạch cổ tức của năm 2019 là 15%, đồng thời giao cho Hội đồng quản trị căn cứ vào kết quả kinh doanh dự kiến năm 2019 sẽ quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2019 cho các cổ đông vào tháng 08/2019.

Điều 9: Thống nhất điều chỉnh thời gian thực hiện tăng vốn điều lệ 100 tỷ đồng bằng cách phát hành cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn quỹ đầu tư và phát triển của Công ty theo Nghị quyết số 451/NQHĐCĐ-SVI ngày 30/03/2018 trong tháng 11/2019.

Điều 10: Thống nhất thông qua việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, và bổ sung vào Điều 4 của Điều lệ Công ty các ngành nghề kinh doanh sau:

Mã ngành, nghề kinh doanh bổ sung	Tên ngành, nghề kinh doanh
0119	Trồng cây hàng năm khác
0121	Trồng cây ăn quả



0123	Trồng cây điều
0124	Trồng cây hồ tiêu
0125	Trồng cây cao su
0126	Trồng cây cà phê
0127	Trồng cây chè
0129	Trồng cây lâu năm khác
0130	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
0145	Chăn nuôi lợn
0146	Chăn nuôi gia cầm
0149	Chăn nuôi khác
0150	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp
0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
0162	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi
0322	Nuôi trồng thủy sản nội địa.
0323	Sản xuất giống thủy sản.
1610	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
1621	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
1622	Sản xuất đồ gỗ xây dựng
1623	Sản xuất bao bì bằng gỗ
1629	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
1910	Sản xuất than cốc
2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
3520	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống
3530	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá
4100	Xây dựng nhà các loại
4620	Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ tre, nứa). Chi tiết: Buôn bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán buôn giống thủy sản.
4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thủy sản.
5210	Khu bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: cho thuê kho bãi
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn hạn. Chi tiết: kinh doanh khách sạn.
5610	Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng.
7912	Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa.

CHÍNH

Điều 12: Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG có trách nhiệm tổ chức, thực hiện các nội dung của bản Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- UBCK NN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- TV HĐQT, BKS;
- Website công ty;
- Lưu VT, thư ký HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOA ĐẠI HỘI**



Trần Mạnh Hùng

